

Số: /TTYT-KD-VT,TBYT
V/v yêu cầu báo giá Máy siêu âm
chuyên tim mạch năm 2025 của Trung
tâm Y tế huyện thành phố Bắc Giang

Tp. Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của UBND thành phố Bắc Giang.

Căn cứ Công văn số 105/TTYT-KD-VT,TBYT, ngày 18/2/2025 của Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang, thông báo báo cấu hình, giá trang thiết bị y tế để làm cơ sở xây dựng tính năng kỹ thuật và dự toán mua sắm Máy siêu âm chuyên tim mạch.

Căn cứ Biên bản Hội đồng khoa học ngày 03/4/2025 về việc thống nhất kế hoạch, nhu cầu, danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật Máy siêu âm chuyên tim mạch của Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang;

Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang phát hành thư mời báo giá gói thầu: “Máy siêu âm chuyên tim mạch năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện thành phố Bắc Giang” nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Ông Trần Văn Toàn

- Chức vụ: Trưởng Khoa Dược-vật tư, TBYT.

- Số điện thoại: 0982.496.884

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc Khoa Dược, vật tư – TBYT thuộc Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang- Tổ dân phố 5, phường Nham Biền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Nhận qua email: ttyt_tpbg@bacgiang.gov.vn và toand3b@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **từ thời điểm đăng tải đến trước 8h ngày 21 tháng 4 năm 2024.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **100 ngày** kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Trang thiết bị y tế đề nghị báo giá như sau:

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
	MÁY SIÊU ÂM CHUYÊN TIM MẠCH	A. YÊU CẦU CHUNG	01	Chiếc
1		- Số lượng: 01 Bộ		
2		- Thân máy chính sản xuất năm 2025 mới 100%		
3		- Máy chính đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC, FDA hoặc tương đương		
4		- Điện áp làm việc: $\leq 100 - \geq 240$ VAC, 50/60 Hz		
5		- Môi trường làm việc: Phù hợp với điều kiện khí hậu, môi trường tại Việt Nam.		
6		- Xuất xứ máy chính: Nước có trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)		
		B. CẤU HÌNH KỸ THUẬT:		
		I Máy chính: 01 Máy		
		II Đầu dò: tối thiểu		
1.		Đầu dò Convex đa tần dùng cho thăm khám bụng, sản phụ khoa, tiết niệu, siêu âm đàn hồi mô, đo độ nhiễm mỡ của gan: 01 Chiếc		
2.		Đầu dò Linear đa tần dùng cho thăm khám mạch máu, các bộ phận nhỏ, cơ xương khớp: 01 Chiếc		
3.		Đầu dò Linear ma trận dùng cho thăm khám mạch máu, các bộ phận nhỏ, cơ xương khớp: 01 Chiếc		
4.		Đầu dò tim ma trận dùng cho thăm khám tim: 01 Chiếc		
		III Phần mềm: Tối thiểu		
1		Phần mềm siêu âm Doppler liên tục: 01		
2		Phần mềm siêu âm Doppler mô cơ tim: 01		
3		Phần mềm siêu âm Mode M giải phẫu: 01		
4		Phần mềm tự động đo phân suất tổng máu: 01		
5		Phần mềm siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm đánh giá định lượng độ xơ hóa gan trên đầu dò convex, đánh giá định lượng độ cứng của tổn thương trên tuyến giáp và tuyến vú sử dụng đầu dò Convex, linear: 01		
6	Phần mềm siêu âm đàn hồi mô kèm phần mềm phân tích định lượng đánh giá độ cứng của tổn thương trên tuyến giáp và tuyến vú sử dụng đầu dò Convex, linear: 01			

7	Phần mềm siêu âm đo định lượng độ nhiễm mỡ gan: 01
8	Phần mềm kết nối DICOM 3.0: 01
9	Phần mềm mở rộng trường nhìn toàn cảnh: 01
IV	Phụ kiện kèm theo
1	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 Bộ
2	Máy in nhiệt đen trắng: 01 chiếc
3	Máy in màu A4: 01 chiếc
4	Bộ máy vi tính: 01 Bộ
5	Màn hình tivi ≥ 32 inch kết nối hình ảnh siêu âm: 01 chiếc
6	Bộ lưu điện UPS online ≥ 2 KVA: 01 bộ
C.	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
I.	Thân máy chính:
1	Các thông số của hệ thống:
	- Thiết kế trên bốn bánh xe, có khoá và phanh hãm, có tay cầm đẩy máy.
	- Số ổ cắm đầu dò hoạt động (không tính đầu dò bút chì): ≥ 04 cổng
	- Dung lượng ổ cứng trong: ≥ 500 GB
	- Bộ nhớ CINE: ≥ 770 MB hoặc ≥ 63.000 ảnh
	- TGC và bàn phím ký tự: dạng số hóa điều khiển qua màn hình cảm ứng đa chạm
	- Độ sâu hiển thị ảnh ≥ 40 cm
	- Số kênh xử lý số hóa: $\geq 7.000.000$ kênh
	- Tốc độ khung hình: ≥ 800 khung hình/giây
	- Dải động hệ thống: ≥ 320 dB
	- Dải tần số: $\leq 3.5 - \geq 22$ Mhz tùy thuộc đầu dò
	- Thang xám: ≥ 256 mức
	- Kỹ thuật phát và thu nhận chùm tia siêu âm từ nhiều hướng (Hình ảnh phức hợp không gian) ≥ 9 góc quét hoặc tăng cường cấu trúc mô ≥ 9 kiểu
	- Kỹ thuật loại bỏ đốm sáng trên hình ảnh siêu âm với độ phân giải cao lên đến ≥ 6 mức
	- Hình ảnh hòa âm mô
	- Tự động tính toán phổ Doppler thời gian thực
	- Kỹ thuật lưu trữ, xử lý và phân tích dữ liệu thô
2	Màn hình:
	- Màn hình hiển thị:
	+ Màn hình: ≥ 21.5 inches.
	+ Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ điểm ảnh

		<table border="1"> <tr> <td data-bbox="549 181 608 226">3</td> <td data-bbox="608 181 1310 226">Bảng điều khiển và giao diện sử dụng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 226 608 309"></td> <td data-bbox="608 226 1310 309">- Màn hình điều khiển: cảm ứng, kích thước ≥ 10.4 inches</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 309 608 353">II</td> <td data-bbox="608 309 1310 353">Đầu dò</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 353 608 398">1</td> <td data-bbox="608 353 1310 398">Đầu dò Convex đa tần</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 398 608 524"></td> <td data-bbox="608 398 1310 524">Ứng dụng: Ổ bụng, sản, phụ khoa, mạch máu, niệu khoa, siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm, đo định lượng độ nhiễm mỡ của gan</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 524 608 568"></td> <td data-bbox="608 524 1310 568">Dải tần: $\leq 1 - \geq 5$ MHz</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 568 608 613"></td> <td data-bbox="608 568 1310 613">Số chân tử: ≥ 160</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 613 608 658"></td> <td data-bbox="608 613 1310 658">Trường nhìn (FOV): $\geq 70^\circ$</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 658 608 703">2</td> <td data-bbox="608 658 1310 703">Đầu dò Linear đa tần</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 703 608 786"></td> <td data-bbox="608 703 1310 786">Ứng dụng: mạch máu, các bộ phận nhỏ, siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 786 608 831"></td> <td data-bbox="608 786 1310 831">Dải tần: $\leq 5 - \geq 12$ MHz</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 831 608 875"></td> <td data-bbox="608 831 1310 875">Số chân tử: ≥ 192</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 875 608 920"></td> <td data-bbox="608 875 1310 920">Trường nhìn (FOV): ≥ 38 mm</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 920 608 965">3</td> <td data-bbox="608 920 1310 965">Đầu dò Linear ma trận</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 965 608 1048"></td> <td data-bbox="608 965 1310 1048">Ứng dụng: Mạch máu, các bộ phận nhỏ, cơ xương khớp</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1048 608 1093"></td> <td data-bbox="608 1048 1310 1093">Dải tần: $\leq 4 - \geq 15$ MHz</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1093 608 1137"></td> <td data-bbox="608 1093 1310 1137">Số chân tử: ≥ 1000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1137 608 1182"></td> <td data-bbox="608 1137 1310 1182">Trường nhìn (FOV): 38 mm</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1182 608 1227">4</td> <td data-bbox="608 1182 1310 1227">Đầu dò tim ma trận</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1227 608 1272"></td> <td data-bbox="608 1227 1310 1272">Ứng dụng: tim người lớn</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1272 608 1317"></td> <td data-bbox="608 1272 1310 1317">Dải tần: $\leq 1 - \geq 5$ MHz</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1317 608 1361"></td> <td data-bbox="608 1317 1310 1361">Số chân tử: ≥ 240</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1361 608 1406"></td> <td data-bbox="608 1361 1310 1406">Trường nhìn (FOV): ≥ 90 độ</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1406 608 1451"></td> <td data-bbox="608 1406 1310 1451">Các chế độ hoạt động tối thiểu có:</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1451 608 1653"></td> <td data-bbox="608 1451 1310 1653">- B-mode, Hòa âm mô mã hóa hoặc đảo xung, M-mode, Mode dòng màu, Mode Doppler năng lượng và Mode Doppler năng lượng có định hướng, Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao, mode Doppler liên tục</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1653 608 1697"></td> <td data-bbox="608 1653 1310 1697">Các kiểu hiển thị hình ảnh tối thiểu:</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1697 608 1906"></td> <td data-bbox="608 1697 1310 1906">- Khả năng hiển thị đồng thời: Dual B (B/B), B/CFM hay PDI hoặc tương đương, B/CFM hay PDI hoặc tương đương, B/PW hoặc B/M, B+CFM/M hoặc B+ CFM P, Real-time Triplex Mode</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1906 608 1995"></td> <td data-bbox="608 1906 1310 1995">- Có thể lựa chọn hiển thị xen kẽ các Mode hoặc đồng thời các Mode</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 1995 608 2040">5</td> <td data-bbox="608 1995 1310 2040">Các thông số quét:</td> </tr> <tr> <td data-bbox="549 2040 608 2074"></td> <td data-bbox="608 2040 1310 2074">Thông số quét của Mode B :</td> </tr> </table>	3	Bảng điều khiển và giao diện sử dụng		- Màn hình điều khiển: cảm ứng, kích thước ≥ 10.4 inches	II	Đầu dò	1	Đầu dò Convex đa tần		Ứng dụng: Ổ bụng, sản, phụ khoa, mạch máu, niệu khoa, siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm, đo định lượng độ nhiễm mỡ của gan		Dải tần: $\leq 1 - \geq 5$ MHz		Số chân tử: ≥ 160		Trường nhìn (FOV): $\geq 70^\circ$	2	Đầu dò Linear đa tần		Ứng dụng: mạch máu, các bộ phận nhỏ, siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm		Dải tần: $\leq 5 - \geq 12$ MHz		Số chân tử: ≥ 192		Trường nhìn (FOV): ≥ 38 mm	3	Đầu dò Linear ma trận		Ứng dụng: Mạch máu, các bộ phận nhỏ, cơ xương khớp		Dải tần: $\leq 4 - \geq 15$ MHz		Số chân tử: ≥ 1000		Trường nhìn (FOV): 38 mm	4	Đầu dò tim ma trận		Ứng dụng: tim người lớn		Dải tần: $\leq 1 - \geq 5$ MHz		Số chân tử: ≥ 240		Trường nhìn (FOV): ≥ 90 độ		Các chế độ hoạt động tối thiểu có:		- B-mode, Hòa âm mô mã hóa hoặc đảo xung, M-mode, Mode dòng màu, Mode Doppler năng lượng và Mode Doppler năng lượng có định hướng, Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao, mode Doppler liên tục		Các kiểu hiển thị hình ảnh tối thiểu:		- Khả năng hiển thị đồng thời: Dual B (B/B), B/CFM hay PDI hoặc tương đương, B/CFM hay PDI hoặc tương đương, B/PW hoặc B/M, B+CFM/M hoặc B+ CFM P, Real-time Triplex Mode		- Có thể lựa chọn hiển thị xen kẽ các Mode hoặc đồng thời các Mode	5	Các thông số quét:		Thông số quét của Mode B :		
3	Bảng điều khiển và giao diện sử dụng																																																															
	- Màn hình điều khiển: cảm ứng, kích thước ≥ 10.4 inches																																																															
II	Đầu dò																																																															
1	Đầu dò Convex đa tần																																																															
	Ứng dụng: Ổ bụng, sản, phụ khoa, mạch máu, niệu khoa, siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm, đo định lượng độ nhiễm mỡ của gan																																																															
	Dải tần: $\leq 1 - \geq 5$ MHz																																																															
	Số chân tử: ≥ 160																																																															
	Trường nhìn (FOV): $\geq 70^\circ$																																																															
2	Đầu dò Linear đa tần																																																															
	Ứng dụng: mạch máu, các bộ phận nhỏ, siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm																																																															
	Dải tần: $\leq 5 - \geq 12$ MHz																																																															
	Số chân tử: ≥ 192																																																															
	Trường nhìn (FOV): ≥ 38 mm																																																															
3	Đầu dò Linear ma trận																																																															
	Ứng dụng: Mạch máu, các bộ phận nhỏ, cơ xương khớp																																																															
	Dải tần: $\leq 4 - \geq 15$ MHz																																																															
	Số chân tử: ≥ 1000																																																															
	Trường nhìn (FOV): 38 mm																																																															
4	Đầu dò tim ma trận																																																															
	Ứng dụng: tim người lớn																																																															
	Dải tần: $\leq 1 - \geq 5$ MHz																																																															
	Số chân tử: ≥ 240																																																															
	Trường nhìn (FOV): ≥ 90 độ																																																															
	Các chế độ hoạt động tối thiểu có:																																																															
	- B-mode, Hòa âm mô mã hóa hoặc đảo xung, M-mode, Mode dòng màu, Mode Doppler năng lượng và Mode Doppler năng lượng có định hướng, Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao, mode Doppler liên tục																																																															
	Các kiểu hiển thị hình ảnh tối thiểu:																																																															
	- Khả năng hiển thị đồng thời: Dual B (B/B), B/CFM hay PDI hoặc tương đương, B/CFM hay PDI hoặc tương đương, B/PW hoặc B/M, B+CFM/M hoặc B+ CFM P, Real-time Triplex Mode																																																															
	- Có thể lựa chọn hiển thị xen kẽ các Mode hoặc đồng thời các Mode																																																															
5	Các thông số quét:																																																															
	Thông số quét của Mode B :																																																															

		+ Độ khuếch đại: từ ≤ 0 đến ≥ 80 dB		
		+ Dải động: khoảng $\leq 40 - \geq 90$ dB		
		+ Tần số có thể lựa chọn (với một đầu dò và tùy đầu dò) tối đa: lên đến ≥ 05 loại		
		+ Trung bình khung hoặc độ ổn định ≥ 8 bước		
		+ Mật độ dòng: ≥ 5 bước		
		+ Lọc nhiễu đốm: ≥ 6 mức		
		+ Bản đồ thang xám: ≥ 7 mức		
		Thông số quét của Mode dòng chảy màu:		
		+ Tần số lặp xung PRF: tối đa lên đến : $\leq 0.1 - \geq 19.8$ kHz		
		+ Trung bình khung hoặc độ ổn định ≥ 7 bước		
		Tần số có thể lựa chọn (với một đầu dò và tùy đầu dò) tối đa: lên đến ≥ 05 loại hoặc dải tần số lựa chọn với (với tất cả các loại đầu dò): $\leq 1.9 - \geq 6$ MHz tương đương ≥ 12 bước		
		+ Kích thước gói: $\leq 10 - \geq 20$ (tùy đầu dò và ứng dụng) hoặc có thể điều chỉnh ít nhất 3 cấp độ: Lớn, Trung bình, nhỏ.		
		Thông số quét của Mode Doppler xung		
		+ Tần số lặp xung PRF: $\leq 0.5 - \geq 26.5$ kHz		
		+ Lọc thành (wall filter) tùy thuộc vào đầu dò và ứng dụng: $\leq 6 - \geq 5000$ Hz hoặc có ≥ 12 bước điều chỉnh		
		+ Đảo phỏ: Có		
		+ Thay đổi đường nền: Có		
		Thông số quét của Mode Doppler năng lượng:		
		+ Bản đồ màu: ≥ 15 bản đồ		
		+ PRF: $\leq 0.1 - \geq 19.8$ kHz		
		Thông số quét của Mode Doppler liên tục		
		+ Độ khuếch đại: từ $\leq 0 - \geq 60$ dB		
		+ Tần số lặp xung (PRF): $\leq 1.1 - \geq 40$ KHz		
		Thông số Mode Siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm		
		Đầu dò hỗ trợ: Convex, Linear (tùy thuộc mã đầu dò)		
		+ Đơn vị đo: kPa và m/s		
	6	Các chức năng đo đặc tối thiểu có:		
		+ Tự động tính toán các thông số Doppler thời gian thực		
		+ Đo đặc/ Tính toán trong sản khoa		
		+ Đo đặc / Tính toán Phụ khoa		
		+ Các phép đo trong siêu âm mạch máu		

			+ Đo và tính toán niệu khoa		
			+ Đo đạc và tính toán trong siêu âm tim		
		7	Các thông số kết nối		
			+ Chuẩn kết nối: DICOM 3.0		
			+ Khả năng kết nối: HDMI hoặc DVI-D, USB, Kết nối mạng Ethernet		
		D	Phụ kiện kèm theo		
		1	Máy in nhiệt đen trắng		
			+ Độ phân giải: ≥ 300 dpi		
			+ Khổ giấy in: 110 mm		
			+ In nhiệt		
		2	Bộ máy tính		
			+ CPU: Là loại Core i5 trở lên		
			+ RAM: ≥ 4 GB		
			+ Ổ cứng: ≥ 256 GB		
			+ Màn hình máy tính, kích thước ≥ 21 inches		
		3	Máy in màu		
			+ Độ phân giải: $\geq 5760 \times 1440$ dpi		
			+ Tốc độ in: ≥ 15 trang/ phút		
			+ In phun màu		
		4	Màn hình tivi ≥ 32 inch kết nối hình ảnh siêu âm: 01 chiếc		
		5	Bộ lưu điện UPS online ≥ 2KVA: 01 bộ		
		E	YÊU CẦU KHÁC		
			- Chế độ bảo hành ≥ 12 tháng		

2. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được vận chuyển, lắp đặt, bàn giao, nghiệm thu tại Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang – Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang – Tổ dân phố 5, phường Nham Biền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Việc thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần khi hoàn thành việc giao hàng từng lần theo dự trù của Chủ đầu tư.

- Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

5. Các thông tin khác:

- Tài liệu có liên quan về hàng hóa báo giá (nếu có) gồm:
 - + Giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa;
 - + Hợp đồng cung cấp hàng hóa chào giá trong thời gian không quá 90 ngày tính đến thời điểm báo giá (nếu có);
- Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm báo giá./.

Nơi nhận:

- Công TT đơn vị;
- Lưu: VT, KD, HSĐT.

GIÁM ĐỐC**Đặng Hữu Tuấn**

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang, chúng tôi.... [*ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh*] báo giá cho các vật tư, sinh phẩm y tế như sau:

1. Báo giá cho vật tư, hóa chất:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, Xuất xứ	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Đơn vị tính	Số lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
Tổng giá trị thành tiền										
Bằng chữ:										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: **100 ngày**, kể từ ngày báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))